

Số: 379 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 02 tháng 03 năm 2026

V/v cung cấp báo giá hàng hóa “Vật tư lọc lọc
cần thiết cho công tác Bảo dưỡng sửa chữa năm
2026”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư lọc lọc cần thiết cho công tác Bảo dưỡng sửa chữa năm 2026”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Kho Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h ngày 16/03/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: giangtth@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; dacnlm@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (N.L.M.D).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy



PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA
(Đính kèm công văn số 379 /NMĐSH1-TM ngày 02 /03/2026)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
I. LỘC LƯỢC HYDAC								
1	Filter element	0110 D 010 ON	HYDAC		Châu Âu/G7	27	pc	
2	Filter element	0110 R 010 ON	HYDAC		Châu Âu/G7	12	pc	
3	Filter element	0240 R 100 W	HYDAC		Châu Âu/G7	16	pc	
4	Filter element	0110 D 010 BH4HC	HYDAC		Châu Âu/G7	6	pc	
5	Filter element	0030 R 010 BN4HC	HYDAC		Châu Âu/G7	3	pc	
6	HPU Filter Element, Polishing	0160 D 001 ON/-V	HYDAC		Châu Âu/G7	1	pc	
7	HPU Filter Element, High Press.	0990 D 003 ON /-V	HYDAC		Châu Âu/G7	1	pc	
8	Filter Element for HP Bypass	0060 D 010 ON /-SFREE	HYDAC		Châu Âu/G7	4	pc	
9	Filter Element for LP Bypass	0110 D 010 BH4HC/-V	HYDAC		Châu Âu/G7	3	pc	
10	Filter Element for Generator Shaft Sealing Oil	1700 R 005 ON/PO /-KB	HYDAC		Châu Âu/G7	4	pc	
11	Filter Element for Turbine Lube Oil System - Filter Oil System For BFPT	1700 R 010 ON/PO /-KB	HYDAC		Châu Âu/G7	12	pc	
12	Filter elements for oil tank	Type: 0110D025W/HC '63 Bar - 2x0,42 L	HYDAC		Châu Âu/G7	2	pc	
13	Cartridge	Cartridge of Breather filter BDE 400 G 2 W 1.0 /-RV0,003	HYDAC	Mat.No.: 1299654	Châu Âu/G7	4	pc	
14	Filter element	Filter element of Return line filter RF ON 660 D N 10 LE 1.1	HYDAC	Mat.No.: 1263017	Châu Âu/G7	2	pc	
15	Filter element	Filter element of Pressure filter DF ON 500 Q E 20 LZ 1.0	HYDAC	Mat.No.: 3513521	Châu Âu/G7	2	pc	
16	Cartridge	Cartridge of Breather filter BDE 200 F 2 W 1.0/-RV0.02	HYDAC	Mat.No.: 1299653	Châu Âu/G7	4	pc	







STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
17	Filter element	Filter element of Return line filter RF BN/HC 30 V B 10 LE 1.0	HYDAC	Mat.No.: 3513743	Châu Âu/G7	4	pc	
II. LỌC LƯỢC XE CHUYÊN DỤNG								
1	OIL FILTER	D17-002-02+B	SDEC Power			2	pc	
2	Air Filter KW2540	KW2540/AF26557/ AF26558 Gồm lọc gió trong và lọc gió ngoài	FLEETGUARD			1	set	
3	Fuel Filter	D638002903	SDEC Power			2	pc	
4	Drying Tank Dryer Assembly	819966303	XCMG			1	pc	
5	Lọc động cơ	1R-1808	Caterpillar			2	pc	
6	Lọc nhiên liệu tinh	Z-8-98036-654-0	Caterpillar			2	pc	
7	Lọc động cơ	20801-01441	Caterpillar			2	pc	
8	Lọc dầu thủy lực	20801-01711	Caterpillar			1	pc	
9	Lọc điều khiển	25787-82001	Caterpillar			1	pc	
10	Lọc nhiên liệu	KBT1K01143062	Hitachi			2	pc	
11	Lọc thủy lực	421-5479	Caterpillar			1	pc	
12	Lọc nhiên liệu thô tách nước	363-5819	Caterpillar			1	pc	
13	Lọc động cơ	377-6969	Caterpillar			1	pc	
14	Lọc thông hơi dầu thải khói	421-1888	Caterpillar			1	pc	
15	Lọc dầu bôi trơn cho động cơ đốt trong	6675517	Bobcat			1	pc	
16	Lọc nhiên liệu	6667352	Bobcat			1	pc	
17	Lọc dầu mô tơ cánh quạt	7319444	Bobcat			1	pc	
18	Lọc thủy lực dầu hồi	7414581	Bobcat			2	pc	
19	Lọc gió ngoài điều hòa	7176099	Bobcat			1	pc	
20	Lỗ thở bình dầu thủy lực	6727475	Bobcat			1	pc	
21	Lọc gió thô	400-881-0458 G0119218012A0	YILI			1	pc	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
22	Lọc gió tinh	400-881-0458 G0119219011A0	YILI			1	pc	
23	Lọc Nhiên liệu thô	111 7025-720-0000W LJB36	FAW			1	pc	
24	Lọc Nhiên liệu tinh	111 7011-B81-0000W LJB36	FAW			4	pc	
25	Lọc nhớt động cơ	HJX 1008C 1012101- A02-0000H LWF28	FAW			5	pc	
26	Lọc xả thủy lực	31K6-01320ED	Hyundai			1	pc	
27	Lọc thông hơi thùng thủy lực	31EH-00480AS	Hyundai			1	pc	
28	Lọc hồi thủy lực	31RF-10450	Hyundai			2	pc	
29	Lọc điều hòa trong	11N6-90770	Hyundai			1	pc	
30	Lọc điều hòa ngoài	11Q6-90510	Hyundai			1	pc	
31	Lọc tách nước	11LB-20310	Hyundai			1	pc	
32	Lọc dầu động cơ	11NB-70120	Hyundai			1	pc	
33	Bộ lọc gió ngoài	11Q8-20130	Hyundai			1	pc	
34	Lọc dầu động cơ	P582127	Donaldson			2	pc	
35	Lọc gió	P634614	Donaldson			2	pc	
36	Lọc nhiên liệu thô	wef403 wesfil fuel filter fits hino 300 series trucks	WESFIL			2	pc	
37	Lọc nhiên liệu tinh	FF-1254	Filda			2	pc	
38	Lọc nhiên liệu thô	523-4987	Cat			2	pc	
39	Lọc nhiên liệu tinh	509-5694	Cat			2	pc	
40	Lọc dầu động cơ	322-3155	Cat			4	pc	
41	Lọc xả thủy lực	491-6075	Cat			2	pc	
42	Thông hơi thùng thủy lực	522-1451	Cat			2	pc	
43	Lọc gió thô	479-8989	Cat			2	pc	



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
44	Lọc gió tinh	479-8991	Cat			2	pc	
45	Lọc thủy lực	590-9787	Cat			2	pc	
46	Lọc hộp số	548-7514	Cat			2	pc	
47	Lọc dầu động cơ 2	540-2611	Cat			4	pc	
48	Lọc nhiên liệu tinh	565-1153	Cat			2	pc	
49	Lọc nhiên liệu tách nước	565-1154	Cat			2	pc	
50	Lọc hồi thủy lực	587-8467	Cat			1	pc	
51	Bộ lọc khí động cơ	518-4406	Cat			2	set	

III. LỌC LƯỢC HỆ THỐNG H2

1	Crankcase Breathers element	Part number: P0100007	Pdc Machines		G7	2	pc	
2	Diseccant, Dryer	Item: 6 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	32	lbs	
3	Filter Screen, Dryer	Item: 7 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	4	pc	
4	Retainer Ring, Dryer	Item: 8 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	4	pc	
5	O-Ring, Dryer, Column Cap	Item: 9 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	4	pc	
6	Tool, Retainer Ring Seat	Item: 10 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	2	pc	
7	Filter, 1/4" NPT, 40 Micron	Item: 18 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	2	pc	
8	Filter, 80 Mesh	Item: 19 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	2	pc	
9	Filter Cartridge	PPT Part Number: 5021	PPT		G7	1	pc	
10	Filter Cartridge	PPT Part Number: 5030	PPT		G7	1	pc	
11	Orifitce, A300, 10-32, #33 (.033) - H2 generators	Item: 3 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	1	pc	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
12	Orifitce, Dryer, C10, 0.0071" (0.18mm) DIA - H2 generators	Item: 11 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	1	pc	
13	Orifitce, Dryer, Purge, 0.0102" (0.26mm) DIA - H2 generators	Item: 14 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON		G7	1	pc	
IV. LỘC LƯỢC HỆ THỐNG KHÁC								
1	Filter element	300373	EATON		Châu Âu/G7	27	pc	
2	OSE/SCAVENGE LINE KIT	2901 9200 40 - OSE/SCAVENGE LINE KIT - SEPARATOR (1 PC) - O-RING (1 PC) - O-RING 289.3x5.7 (1 PC) - O-RING (1 PC) - O-RING 3.3x2.4 (1 PC) - NON RETURN VALVE (1 PC) - O-RING 12.3x2.4 (1 PC) - KIT SCAVENGE LINE (1 set) - KIT OIL SEPARATOR (1 set)	Atlas Copco		Châu Âu/G7	4	Set	
3	AIR/OIL FILTER KIT C111 FGO	2901 9201 40 - AIR/OIL FILTER KIT C111 FGO - FILTER ELEMENT (1 PC) - OIL FILTER SPARE 8000HRS (2 PC) - FILTER AIR (1 PC) - INSTR. MANUAL FILTER (1 PC) - KIT CUBICLE FILTER (1 Set) - OVERVIEW SERVICE KITS (1 Set)	Atlas Copco		Châu Âu/G7	4	Set	



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
4	Filter element 10µm	2.0100 H10XL-A00-0-M	BoschRexroth		Châu Âu/G7	24	pc	
5	Filter element 6µm	2.0040 H6XL-A00-0-M	BoschRexroth		Châu Âu/G7	24	pc	
6	Filter 10µm	50LDN0100-H10XLA00-V2.2-M-R4	BoschRexroth		Châu Âu/G7	2	pc	
7	Filter 6µm	150LDN0040-H6XLA00-V5.0-M-R4	BoschRexroth		Châu Âu/G7	2	pc	
8	Main TBN LO Vapor Extractor Oil Mist Separator	Model: C8502	COES		Châu Âu/G7	108	pc	
9	Polishing element	JPME 718-2-W-SR2	JONELL		Châu Âu/G7	22	pc	
10	Coalesce element	JCP 640-2	JONELL		Châu Âu/G7	4	pc	
11	Separtor element	JST 643	JONELL		Châu Âu/G7	12	pc	
12	BREATHER KIT	SGB-120-03-B	STAUFF		Châu Âu/G7	2	pc	
13	Filter element of Seal Oil Vacuum Pump (Model: Sogevac SV100B)	Pos. 50 Ref No: 71213150	LEYBOLD		Châu Âu/G7	2	pc	
14	Exhaust filter of Seal Oil Vacuum Pump (Model: Sogevac SV100B)	Pos. 56 Ref No: 71417300	LEYBOLD		Châu Âu/G7	6	pc	
15	Main & Make-up Filter element	PKN - 2073 - KR	BEA TECHNOLOGIE S		Châu Âu/G7	36	pc	
16	Element filter	Type: 450PBF0130-G25B00-V5.0-V-Z1 Filterelement: R928022333	Rexroth		Châu Âu/G7	24	pc	
17	Element filter	Type: 450PBFN0040-H10XLB00-V5.0-V-Z1 Filterelement: R928006683	Rexroth		Châu Âu/G7	21	pc	
18	Seal Kit	SEAL KIT: D450PBF0130-0150-V Material no: R961005211	Rexroth		Châu Âu/G7	16	set	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
19	Seal Kit	SEAL KIT D450PBFN0040-0100-V Material no: R961005213	Rexroth		Châu Âu/G7	20	set	
20	Element filter	E70D	Safbon		Châu Âu/G7/OECD /G20	400	Pc	
21	Inlet Filter Element	Rating: 4705 Vật liệu: Polyester Surface Area ft2: 75 ID (in): 14 OD (in): 19 5/8	Solberg	Part number: 485P	Châu Âu/G7	5	pc	
22	Set of service kits(4000hrs or 1 year) for compressor ZR500-10-50/E	01 Kit include: SEAL WASHER M20: 02 MEMBRANE: 01 DRAIN VALVE KIT: 01 AIR/OIL FILTER KIT: 01 ZR450-750 IC DRAIN VLV KIT: 01 VALVE: 01 Trong đó đổi Part Number oil filter 1614 8747 99 sang 1614 7273 99	Atlas Copco	Part Number: 2906 0492 00	Châu Âu/G7	3	Set	



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
23	Set of service kits 16000hrs for compressor ZR500-10-50/E	01 Kit include: O-RING: 02 SET RUBBERS (8 PCS): 01 MEMBRANE: 01 MUFFLER: 02 KIT VALVE INLET: 01 KIT MAINT. 4000H: 01 +5++ CHECK VALVE KIT+: 01 Trong đó đổi Part Number oil filter trong kit 4000h từ 1614 8747 99 sang 1614 7273 99	Atlas Copco	Part Number:290 6 0495 00	Châu Âu/G7	3	set	
24	Filter elements	Model no.: DD 2100F	Atlas Copco	Part No.: 1624 1844 03	Châu Âu/G7	24	pc	
25	Filter elements	Model no.: PDp 2100F	Atlas Copco	Part No.: 1624 1844 01	Châu Âu/G7	32	pc	
26	Engine oil filter	Oil filter for Engine model: 12V4000G23; Part No.: 31845301	MTU ValueCare	Part No.: 31845301	Châu Âu/G7	10	pc	
27	Fuel filter	Fule filter for Engine model: 12V4000G23; Part No.: X00042421	MTU ValueCare	Part No.: X00042421	Châu Âu/G7	2	pc	
28	Filter - High Pressure Pump - Unit 1	Beutelfiltergehäuse BF-PPF5 Type BF-F Polypropylen - 50µm - 0,15 m²	MTS & APIC Filter GmbH & Co.KG		Châu Âu/G7	4	pc	
29	filter bag φ160 x 3010 (Used at fly ash Silo; buffer ash silo)	filter bag φ160 x 3010 polyester	MBPL	N6701E	Châu Âu/G7	62	pc	
30	Telescopic bag filter (Dust collector cartitge for Barge)	H: 1515 mm φD: 145 mm	Altair	CAR Ø145/P1500 - P1	Châu Âu/G7	18	pc	



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
31	inlet filter of Air Blower Model: GM 35 S	inlet filter of Air Blower Model: GM 35 S	Aerzen	part no.: 175241000	Châu Âu/G7	1	pc	
32	Air filter element	Air filter element of Air Compressors GA5 FF	AtlasCopco	Original part: 1613 9001 00	Châu Âu/G7	4	pc	
33	Filter element	Diesel generator Model: DP086TA Speed: 1500 rpm Prime: 207 (152) PS(KW) Serial number: DE08 OOG09179634 Bore: 111 mm Stroke: 133 mm	Doosan	Part No.: 65 12503-5018A	Châu Âu/G7/OECD	1	pc	
34	Filter	Material number: R900649157	Rexroth		Châu Âu/G7	6	pc	
35	AIR FILTER P775631	Type: P775631	Donaldson RadialSeal		Châu Âu/G7	8	pc	
36	Crankcase breather Filter element	Part Number: XP59501800122	MTU ValueCare		Châu Âu/G7	12	pc	
37	Oil Filter Element	Part Number: 1614727300 Ed.3 Maximum Pressur: 14 bar	Atlas Copco		Châu Âu/G7	6	pc	
38	Air Filter	For Engine model: 12V4000G23	MTU ValueCare	Part No.: 0180945802	Châu Âu/G7	8	pc	

Ghi chú:

- Thuế giá trị gia tăng là tạm tính mức 10%, trong quá trình thực hiện hợp đồng mức thuế suất sẽ được điều chỉnh tại thời điểm nghiệm thu thanh toán phù hợp với quy định thuế của Chính phủ.
- Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model,



thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất

Yêu cầu khác:

- Xuất xứ: Nhà thầu chào đầy đủ xuất xứ của hàng hóa;
- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA/CoC), (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

